

Bản án số: 62 /2021/HNGĐ - ST
Ngày: 29 tháng 01 năm 2021
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân quận Hg, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Giang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 552/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Đăng ký HKTT: Số 33, ngõ 5 N, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú: Xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Doãn T, sinh năm 1979.

Đăng ký HKTT : Số 33, ngõ 5 N, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện đang đi cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội; Địa chỉ: Xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 06 năm 2020 và bản tự khai ngày 23 tháng 10 năm 2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Doãn T chung sống với nhau từ năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội ngày 16/3/2015. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại số nhà 33, ngõ 5 Nguyễn Viết Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông,

thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh T thường xuyên xúc phạm chị T và có lần anh T còn đuổi chị T ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã chuyển ra ngoài sống từ tháng 6 năm 2020 và vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Doãn Đức H (nam), sinh ngày 08/10/2015. Hiện nay cháu H đang sống cùng chị T. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết để chị được nuôi con chung và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con . Hiện nay chị T đang làm nhân viên của Công ty cổ phần ADT Quốc tế, thu nhập trung bình một tháng của chị khoảng 12.000.000 đến 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị T xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 25/11/2020 có xác nhận của Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội anh Nguyễn Doãn T trình bày: Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội ngày 16/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại số nhà 33, ngõ 5 Nguyễn Viết Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng không có sự chia xẻ đồng cảm dẫn đến anh T chơi bời nghiện ngập. Nay anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ tiếp tục chung sống và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Doãn Đức H (nam), sinh ngày 08/10/2015. Trường hợp phải ly hôn thì anh T chưa có ý kiến gì vì anh T không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung:

Về động sản: Anh T khai đề nghị chị T trả lại cho anh T số tiền hàng tháng anh T đưa cho chị T là 30.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2015 đến hết tháng 12 năm 2019. Việc anh T đưa tiền cho chị T thì chỉ có anh T và chị T biết với nhau.

Về bất động sản: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh T xác nhận vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị T giữ nguyên các yêu cầu nêu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác. Đối với số tiền 30.000.000. đồng mà anh T yêu cầu chị T trả lại cho anh T kể từ tháng 3 năm 2015 đến hết tháng 12 năm 2019 thì chị T cho rằng không có việc hàng tháng anh T đưa 30.000.000 đồng cho chị T mà anh T chỉ thỉnh thoảng đưa cho chị T 10.000.000 đồng hoặc hơn 10.000.000 đồng tiền hàng sau đó lại lấy lại luôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án ngày hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T. Về con chung: Xác nhận chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn Doãn Đức H (nam), sinh ngày 08/10/2015, giao cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung; về phần động sản: Giành quyền khởi kiện cho anh T về việc chia tài sản chung là động sản. Về công nợ: Chị T , anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Doãn T hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội. Quá trình tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh T.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Doãn T . Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 33, ngõ 5 Nguyễn Viết Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Nên căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1].**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Doãn T chung sống với nhau từ năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội chứng nhận kết hôn ngày 16/3/2015. Hôn nhân của chị T, anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia xẻ, thực hiện các công việc gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Căn cứ vào lời khai của chị T, ý kiến của đại diện tổ dân phố nơi chị T, anh T chung sống và sự thừa nhận của anh T thể hiện: Trong quá trình chung sống chị T, anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không có sự chia xẻ đồng cảm với nhau nên dẫn đến anh T chơi bời nghiện ngập, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng anh T không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Mặc khác chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh T, không đồng ý đoàn tụ vì cho rằng anh T chơi bời nghiện ngập và hiện tại anh T lại đang thực hiện việc cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội không đảm bảo cuộc sống cho chị và con. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. **Về con chung:** Chị T và T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Doãn Đức H (nam), sinh ngày 08/10/2015. Hiện nay cháu Huy đang sống cùng chị T. Ly hôn chị T có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết để chị được nuôi con chung và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có ý kiến trường hợp phải ly hôn thì anh T chưa có ý kiến gì về con chung vì anh T không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T Hội đồng xét xử thấy: Nguyên vọng xin được nuôi con của chị T là hoàn toàn chính đáng thể hiện tinh thần và trách nhiệm của cha mẹ đối với con, song việc giao con cho ai nuôi lại phải căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng và khả năng chăm sóc con để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con tốt nhất. Xét điều kiện nuôi con của chị T, anh T Hội đồng xét xử thấy chị T hiện đang làm nhân viên của Công ty cổ phần ADT Quốc tế, thu nhập trung bình một tháng của chị khoảng 12.000.000 đến 15.000.000 đồng, còn anh T lại đang thực hiện việc cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội nên không thể trực tiếp nuôi con chung của anh, chị được. Vì vậy cần giao cháu Nguyễn Doãn Đức H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình. Do anh T đang thực hiện việc cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma

túy số 2 Hà Nội không có thu nhập, hơn nữa chị T cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

[3]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản):

Về động sản: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đề nghị chị T trả lại cho anh T số tiền hàng tháng anh T đưa cho chị T là 30.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2015 đến hết tháng 12 năm 2019. Xét yêu cầu của anh T Hội đồng xét xử thấy: Việc anh T đưa tiền cho chị T thì chỉ có anh T và chị T biết với nhau, anh T không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh về việc đưa tiền cho chị T, mặt khác chị T lại không thừa nhận việc anh T đưa tiền cho chị T mà chị T cho rằng anh T chỉ thỉnh thoảng đưa cho chị 10.000.000 đồng hoặc hơn 10.000.000 đồng sau đó lại lấy lại luôn. Do yêu cầu của anh T chưa có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh T có căn cứ chứng minh về việc đưa số tiền trên cho chị T và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về bất động sản: Chị T, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về công nợ: Chị T, anh T xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Doãn T.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Doãn T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Doãn T có 01 con chung là Nguyễn Doãn Đức H (nam), sinh ngày 08/10/2015. Giao cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Doãn Đức H. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi nào chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):

Về động sản: Giành quyền khởi kiện cho anh T về việc chia tài sản chung là động sản khi anh T có yêu cầu.

Về bất động sản: Chị T, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Chị T, anh T xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0009376 ngày 18/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh T. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- UBND phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP Hà Nội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thủy